

BẢNG TỔNG HỢP ĐĂNG KÝ GIẢNG DẠY TRỰC TUYẾN

1. Khoa Khoa học Cơ bản

STT	Môn học	Mã giảng viên	Giảng viên	Lớp học phần	Lớp danh nghĩa	STC	LT/TH	Thứ	Tiết	Đăng ký	Ghi chú
1	Toán cao cấp 2	01280040	Phạm Anh Lộc	422000359502	DHCK15BT	2	LT	6	8-9	36	Bắt đầu 20/04/2020
2	Toán cao cấp 2	04540003	Trần Anh Dũng	420300328804	DHLQT15A	2	LT	3	6-7	80	Bắt đầu 20/04/2020
3	Toán cao cấp 2	01024002	Lê Ngọc Linh	422000359508	DHDI15BT	2	LT	5	10-11	40	Bắt đầu 20/04/2020
4	Logic học	0199900067	Bùi Thị Thu Phương	420300339517	DHAV15C	3	LT	4	1-3	66	Bắt đầu 20/04/2020
5	Vật lí kỹ thuật	01180014	Nguyễn Thị Phi Vân	420300204006	DH 12 HOCLAI	3	LT	6	12-14	25	Bắt đầu 20/04/2020
6	Vật lí đại cương	01180026	Đỗ Quốc Huy	422000363103	DHKQ15BT	3	LT	2	9-11	32	Bắt đầu 20/04/2020
7	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (LT)	0199900158	Đặng Hữu Phúc	420300319828	DHTD14B	2	LT	5	6-7	58	Bắt đầu 20/04/2020

2. Khoa Lý luận chính trị

STT	Môn học	Mã giảng viên	Giảng viên	Lớp học phần	Lớp danh nghĩa	STC	LT/TH	Thứ	Tiết	Đăng ký	Ghi chú
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0199900331	Huỳnh Ngọc Bích	420300066432	DHMK15A	2	LT	3	4-5	92	Bắt đầu 20/04/2020
2				420300066436	DHTN15B	2	LT	3	6-7	82	Bắt đầu 20/04/2020
3				420300066431	DHQTI15D	2	LT	3	8-9	75	Bắt đầu 20/04/2020
4		01023002	Nguy Thị Hồng Lợi	422000128815	DHKT14A TT	2	LT	3	6-7	40	Bắt đầu 20/04/2020
5	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	01023012	Bùi Văn Như	420300066435	DHTN15A	2	LT	4	4-5	80	Bắt đầu 20/04/2020
6				420300059722	DHLKT15A	3	LT	2	1-3	110	Bắt đầu 20/04/2020
7				420300059736	DHTP15B	3	LT	2	6-8	92	Bắt đầu 20/04/2020
8		01190018	Mai Thị Hồng Hà	420300059732	DHOT15C	3	LT	2	9-11	93	Bắt đầu 20/04/2020
9	420300059702			DHOT15B	3	LT	3	6-8	84	Bắt đầu 20/04/2020	
10	420300059730			DHOT15A	3	LT	4	6-8	80	Bắt đầu 20/04/2020	
11	420300059749			DHTP15C	3	LT	5	1-3	80	Bắt đầu 20/04/2020	
12	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin	01190013	Lại Quang Ngọc	420300068501	DHCNMT15C	5	LT	5	1-3	70	Bắt đầu 20/04/2020
13						5	LT	6	1-3	70	Bắt đầu 20/04/2020
14	Triết học	0199900332	Hồ Văn Đức	700300494901	CHQLMT9B	3	LT	CN	6-10	51	Bắt đầu 20/04/2020
15		01023015	Phạm Thị Lan	706400499501	CHQT9B,KT	4	LT	CN	1-5	29	Bắt đầu 20/04/2020

3. Khoa Ngoại ngữ

STT	Môn học	Mã giảng viên	Giảng viên	Lớp học phần	Lớp danh nghĩa	STC	LT/TH	Thứ	Tiết	Đăng ký	Ghi chú
1	Biên dịch 2	0199900281	Hoàng Thị Phong Linh	4203001796063	DHAV13B	3	LT	5	6-8	35	Bắt đầu 20/04/2020
2		0199900281	Hoàng Thị Phong Linh	420300179608	DHAV13C	3	LT	4	6-8	35	Bắt đầu 20/04/2020
3		01210002	Đỗ Thị Kim Hiếu	420300269316	DHAV14F	2	LT	3	4-5	36	Bắt đầu 20/04/2020
4		01210002	Đỗ Thị Kim Hiếu	420300269323	DHAV14H	2	LT	6	4-5	36	Bắt đầu 20/04/2020
5	Ngữ âm âm vị học	01210002	Đỗ Thị Kim Hiếu	420300269314	DHAV14E	2	LT	2	4-5	36	Bắt đầu 20/04/2020
6		01210002	Đỗ Thị Kim Hiếu	420300269311	DHAV14	2	LT	4	2-3	36	Bắt đầu 20/04/2020
7		01210002	Đỗ Thị Kim Hiếu	420300269322	DHAV14	2	LT	6	2-3	36	Bắt đầu 20/04/2020
8		01210002	Đỗ Thị Kim Hiếu	420300269313	DHAV14	2	LT	2	2-3	36	Bắt đầu 20/04/2020
9	Phiên dịch 2	01210023	Nguyễn Đình Luật	020300062005	CDAV20B	2	LT	2	10-11	41	Bắt đầu 20/04/2020
10		01210023	Nguyễn Đình Luật	420300269321	DHAV14G	2	LT	5	1-2	35	Bắt đầu 20/04/2020
11		01210023	Nguyễn Đình Luật	420300269320	DHAV14G	2	LT	3	3-4	35	Bắt đầu 20/04/2020
12		01210023	Nguyễn Đình Luật	420300269325	DHAV14I	2	LT	5	3-4	35	Bắt đầu 20/04/2020
13	Lý thuyết dịch	01210014	Lê Thị Thiên Phước	420300179704	DHAV13D	3	LT	2	3-5	36	Bắt đầu 20/04/2020
14		01210014	Lê Thị Thiên Phước	420300179702	DHAV13	3	LT	3	3-5	36	Bắt đầu 20/04/2020
15		01210014	Lê Thị Thiên Phước	420300179710	DHAV13	3	LT	5	3-5	36	Bắt đầu 20/04/2020
16		01210014	Lê Thị Thiên Phước	420300179711	DHAV13D	3	LT	5	3-5	36	Bắt đầu 20/04/2020
17	Ngữ nghĩa học	01210034	Nguyễn Thị Bích Thủy	420300272202	DHAV13A	2	LT	2	1-2	36	Bắt đầu 20/04/2020
18		01210034	Nguyễn Thị Bích Thủy	420300272214	DHAV13E	2	LT	2	10-11	36	Bắt đầu 20/04/2020
19		01210034	Nguyễn Thị Bích Thủy	420300272203	DHAV13A	2	LT	5	1-2	36	Bắt đầu 20/04/2020
20		01210034	Nguyễn Thị Bích Thủy	420300272213	DHAV13E	2	LT	6	9-10	36	Bắt đầu 20/04/2020
21	Lý thuyết dịch	01210034	Nguyễn Thị Bích Thủy	020300082501	CDAV20A	2	LT	2	6-7	36	Bắt đầu 20/04/2020
22		01210034	Nguyễn Thị Bích Thủy	020300082502	CDAV20A	2	LT	2	8-9	36	Bắt đầu 20/04/2020
23		01210031	Lê Ngọc Diệp	420300153111	DHAV14	2	LT	3	6-7	36	Bắt đầu 20/04/2020
24		01210034	Nguyễn Thị Bích Thủy	420300121209	DHAV13C	3	LT	3	9-11	36	Bắt đầu 20/04/2020
25	Anh Văn 2. Abet	0199900079	Trương Trần Minh Nhật	420300203301 - AV2_422000216701 - CLC_ABET_4203000203	Anh văn 2	2	LT	7	3-5	35	Bắt đầu 20/04/2020
26	Anh văn 3. Abet	01920020	Trịnh Thị Cường	420300202801	Anh văn 3	2	LT	7	3-5	35	Bắt đầu 20/04/2020
27	Tiếng Anh 1	01220015	Phan Thị Tuyết Nga	420300306712	Tiếng Anh 1	3	LT	5	3-5	35	Bắt đầu 20/04/2020
28		01220009	Nguyễn Thị Bích	420300306760	Tiếng Anh 1	3	LT	7	9-11	35	Bắt đầu 20/04/2020
29		199900079	Trương Trần Minh Nhật	420300306743	Tiếng Anh 1	3	LT	4	6-8	35	Bắt đầu 20/04/2020
30		1220009	Nguyễn Thị Bích	420300242137	Tiếng Anh 2		LT	7	6-8	35	Bắt đầu 20/04/2020
31	Tiếng Anh 2	01220009	Nguyễn Thị Bích	20300226518	Tiếng Anh 2		LT	CN	6-8	35	Bắt đầu 20/04/2020
32		01220009	Nguyễn Thị Bích	4.203E+11	Tiếng Anh 2		LT	CN	9-11	35	Bắt đầu 20/04/2020
33		01920020	Trịnh Thị Cường	420300242163	Tiếng Anh 2	3	LT	2	1-3	35	Bắt đầu 20/04/2020
34		0199900377	Hồ Thị Hiền	420300369101	DHAV14A	2	LT	2	6-7	35	Bắt đầu 20/04/2020
35	Nghe 3	0199900377	Hồ Thị Hiền	420300369102	DHAV14	2	LT	2	8-9	35	Bắt đầu 20/04/2020
36		0199900377	Hồ Thị Hiền	420300369103	DHAV14	2	LT	2	10-11	35	Bắt đầu 20/04/2020
37		0199900377	Hồ Thị Hiền	420300369111	DHAV14D	2	LT	5	8-9	35	Bắt đầu 20/04/2020
38		0199900377	Hồ Thị Hiền	420300242136.00	DHAV14D	2	LT	5	10-11	35	Bắt đầu 20/04/2020
39	Viết 3	01026001	Huỳnh Thị Bảo Trinh	020300062101	CDAV19A	2	LT	3	6-7	35	Bắt đầu 20/04/2020
40		01026001	Huỳnh Thị Bảo Trinh	420300369107	DHAV14C	2	LT	4	6-7	35	Bắt đầu 20/04/2020
41		01026006	Đặng Hoàng Mai	420300127103	DHAV13D	3	LT	2	6-8	35	Bắt đầu 20/04/2020
42		01026006	Đặng Hoàng Mai	420300127104	DHAV13D	3	LT	5	1-3	35	Bắt đầu 20/04/2020
43	Marketing căn bản	01220031	Đinh Tấn Thủy Kha	420300369114	DHAV14E	2	LT	6	8-9	35	Bắt đầu 20/04/2020
44		01220031	Đinh Tấn Thủy Kha	420300369115	DHAV14E	2	LT	6	10-11	35	Bắt đầu 20/04/2020
45		01220031	Đinh Tấn Thủy Kha	20300662103	CDAV19A	2	LT	3	6-7	35	Bắt đầu 20/04/2020
46		01220031	Đinh Tấn Thủy Kha	20300662104	CDAV19B	2	LT	3	8-9	35	Bắt đầu 20/04/2020
47	Marketing căn bản	01220031	Đinh Tấn Thủy Kha	20300662105	CDAV19B	2	LT	3	10-11	35	Bắt đầu 20/04/2020
48		01210035	Nguyễn Thị Kim Chung	420300369222	DHAV14H	2	LT	3	1-2	35	Bắt đầu 20/04/2020
49		01210035	Nguyễn Thị Kim Chung	420300369223	DHAV14H	2	LT	3	3-4	35	Bắt đầu 20/04/2020
50		01210035	Nguyễn Thị Kim Chung	420300369225	DHAV14I	2	LT	4	2-3	35	Bắt đầu 20/04/2020
51	Quản trị kinh doanh	01210035	Nguyễn Thị Kim Chung	420300369226	DHAV14I	2	LT	4	4-5	35	Bắt đầu 20/04/2020
52		01210035	Nguyễn Thị Kim Chung	420300369214	DHAV14E	2	LT	4	8-9	35	Bắt đầu 20/04/2020
53		01210035	Nguyễn Thị Kim Chung	420300369215	DHAV14E	2	LT	4	10-11	35	Bắt đầu 20/04/2020
54		0896000069	Lê Thị Thủy	420300369219	DHAV14G	2	LT	6	3-4	35	Bắt đầu 20/04/2020
55	Quản trị kinh doanh	0896000069	Lê Thị Thủy	420300369213	DHAV14E	2	LT	6	8-9	35	Bắt đầu 20/04/2020
56		01220027	Phan Thị Bích Ngọc	420300369210	DHAV14D	2	LT	3	6-7	35	Bắt đầu 20/04/2020
57		01220027	Phan Thị Bích Ngọc	420300369211	DHAV14D	2	LT	3	8-9	35	Bắt đầu 20/04/2020
58		01220027	Phan Thị Bích Ngọc	420300369212	DHAV14D	2	LT	3	10-11	35	Bắt đầu 20/04/2020
59	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	01220027	Phan Thị Bích Ngọc	420300369201	DHAV14A	2	LT	5	6-7	35	Bắt đầu 20/04/2020
60		01210008	Nguyễn Thị Thủy Loan	420300163507	Đại học anh văn 13	2	LT	2	9-10	36	Bắt đầu 20/04/2020

4. Khoa: Quản trị kinh doanh

STT	Môn học	Mã giảng viên	Giảng viên	Lớp học phần	Lớp danh nghĩa	STC	LT/TH	Thứ	Tiết	Đăng ký	Ghi chú
1	Kinh tế vi mô	06690047	Phan Thị Thảo	420300101625	DHKT15G	3	LT	2	1-3	80	Bắt đầu 20/04/2020
2	Kinh tế vi mô	01160014	Trần Nguyễn Minh Ái	420300101618	DHMK15A	3	LT	2	6-8	78	Bắt đầu 20/04/2020
3	Giao tiếp kinh doanh	01028020	Nguyễn Quỳnh Mai	020300229301	CDQT20A	3	LT	2	9-11	81	Bắt đầu 20/04/2020
4	Marketing căn bản	0199900373	Hồ Trúc Vi	420300127509	DHMK15A	3	LT	2	1-3	82	Bắt đầu 20/04/2020
5	Đạo đức kinh doanh	07600044	Nguyễn Anh Tuấn	420300361608	DHMK14A	3	LT	2	6-8	79	Bắt đầu 20/04/2020
6	Marketing căn bản	0199900372	Phan Trọng Nhân	420300127510	DHMK15C	3	LT	2	9-11	80	Bắt đầu 20/04/2020
7	Quản trị xuất nhập khẩu	01028013	Lê Thị Thanh Trúc	020300266401	CDQT18A	3	LT	5	1-3	73	Bắt đầu 20/04/2020
8	Ý tưởng khởi nghiệp	01028011	Lê Hoàng Việt Phương	420301341904	DHMK13D	2	LT	5	4-5	89	Bắt đầu 20/04/2020
9	Hành vi khách hàng	0199900314	Hà Thị Thanh Minh	020300250603	CDQT18A	3	LT	5	6-8	50	Bắt đầu 20/04/2020
10	Quản trị học	01028021	Lưu Quang Vinh	020300250906	CDQT20A	3	LT	5	1-3	84	Bắt đầu 20/04/2020
11	Quản trị bán hàng	0896000081	Lê Đức Lâm	420300152806	DHMK13A	3	LT	5	6-8	83	Bắt đầu 20/04/2020
12	Quản trị dự án đầu tư	04700017	Nguyễn Ngọc Thức	420300090701	DHMK13F	3	LT	5	9-11	83	Bắt đầu 20/04/2020

5. Khoa Tài chính Ngân hàng

STT	Môn học	Mã GV	Giảng viên	Lớp học phần	Lớp danh nghĩa	STC	LT/TH	Thứ	Tiết	Đăng ký	Ghi chú
1						2	LT	2	4-5	60	Bắt đầu 20/04/2020
2	Hệ thống thông tin Tài chính - Ngân hàng - LT(15)	01029003	Phan Minh Xuân	420300117301	DHTD13A	2			1-3	30	Bắt đầu 20/04/2020
3						2	TH	2	6-8	30	Bắt đầu 20/04/2020
4						2	TH	8	1-5	30	Bắt đầu 20/04/2020
5	Hệ thống thông tin Tài chính - Ngân hàng - TH(60)	01029028	Vũ Trọng Hiền	020300272701	CDTN19A	2	TH	8	6-10	30	Bắt đầu 20/04/2020
6	Phân tích kỹ thuật thị trường tài chính - LT(45)	0199900277	Phạm Thị Ngọc Thúy	420300290602	DHTN13C	3	LT	4	9-11	80	Bắt đầu 20/04/2020
7	Phân tích kỹ thuật thị trường tài chính - LT(45)	01030014	Phạm Khánh Dương	420300290610	DHTD13C	3	LT	2	9-11	80	Bắt đầu 20/04/2020
8	Tài chính công - LT(45)	01029011	Nguyễn Lê Hồng Vỹ	420300169001	DHTD13C	3	LT	6	1-3	80	Bắt đầu 20/04/2020
9	Tài chính doanh nghiệp - LT(45)	01029006	Phạm Thị Phương Loan	422000380206	DHQT14ETT	3	LT	6	1-3	40	Bắt đầu 20/04/2020
10	Tài chính doanh nghiệp - LT(45)	01029025	Lê Nguyễn Trà Giang	420300363602	DHQT14A	3	LT	4	6-8	80	Bắt đầu 20/04/2020
11	Tài chính doanh nghiệp - LT(45)	01029008	Đoàn Thị Thu Trang	420300363605	DHQT14D	3	LT	5	6-8	80	Bắt đầu 20/04/2020
12	Tài chính doanh nghiệp - LT(45)		Nguyễn Thị Mỹ Phương	422000380207		3	LT	2	9-11	40	Bắt đầu 20/04/2020
13	Tài chính doanh nghiệp - LT(45)	0199900290	Trần Huỳnh Kim Thoa	420300363611	DHTD14B	3	LT	5	9-11	80	Bắt đầu 20/04/2020
14	Tài chính doanh nghiệp - LT(45)	01029008	Đoàn Thị Thu Trang	420300363604	DHQT14B	3	LT	2	6-8	80	Bắt đầu 20/04/2020
15	Thanh toán quốc tế - LT(45)	01029024	Nguyễn Thị Hồng Ánh	420300103308	TTQT_DHTT GHEP DH.420300103308	3	LT	3	6-8	80	Bắt đầu 20/04/2020
16	Quản trị rủi ro tài chính-LT (45)	01029010	Phùng Thị Cẩm Tú	420300130412	DHTN13B	3	LT	6	6-8	80	Bắt đầu 20/04/2020
17	Quản trị rủi ro tài chính-LT (45)		Lại Cao Mai Phương	422000158005	DHTN13BT	3	LT	6	9-11	40	Bắt đầu 20/04/2020
18	Quản trị Tài chính - LT(45)	0199900061	Nguyễn Hữu Tuyên	420300127810	DHQT13H	3	LT	5	9-11	80	Bắt đầu 20/04/2020
19	Tài chính quốc tế-LT (45)	0199900291	Lê Thị Minh	020300298501	CDTN19A	3	LT	3	1-3	60	Bắt đầu 20/04/2020
20	Phân tích đầu tư chứng khoán-LT (45T)	01029009	Nguyễn Quý Hiệp	420300130305	PT&ĐCK_Dh9 GHEP DH.420300130305.D1	3	LT	4	1-3	80	Bắt đầu 20/04/2020
21	Nghiệp vụ NHTM-LT (45t)	0199900190	Vũ Cẩm Nhung	420300412103	DHTN14A	3	LT	2	1-3	80	Bắt đầu 20/04/2020

6. Khoa Kế toán Kiểm toán

STT	Môn học	Mã GV	Giảng viên	Lớp học phần	Lớp danh nghĩa	STC	LT/TH	Thứ	Tiết	Đăng ký	Ghi chú
1	Kế toán quốc tế 3		Nguyễn Thị Thủy Hạnh	420301332001	DHKT12-HL	3	LT	6	12 - 14	36	20/04/2020 bắt đầu
2	Hệ thống thông tin kế toán 1		Phạm Trường Quân	420300137301	DH12TT-GH	3	TH_N1	3	12 - 15	25	20/04/2020 bắt đầu
3	Hệ thống thông tin kế toán 1		Nguyễn Ngọc Minh	420300137301	DH12TT-GH	3	TH_N2	3	12 - 15	25	20/04/2020 bắt đầu
4	Hệ thống thông tin kế toán 1		Phạm Trường Quân	420300137301	DH12TT-GH	3	LT	5	12 - 15	75	20/04/2020 bắt đầu
5	Hệ thống thông tin kế toán 1		Phạm Trường Quân	420300137301	DH12TT-GH	2	LT	7	12 - 15	75	20/04/2020 bắt đầu
6	Hệ thống thông tin kế toán 1		Phạm Trường Quân	420300137301	DH12TT-GH	3	TH_N1	CN	6 - 10	25	20/04/2020 bắt đầu
7	Hệ thống thông tin kế toán 1		Nguyễn Thị Đức Hạnh	420300137301	DH12TT-GH	3	TH_N3	3	12 - 15	30	20/04/2020 bắt đầu
8	Hệ thống thông tin kế toán 1		Nguyễn Thị Đức Hạnh	420300137301	DH12TT-GH	3	TH_N3	CN	6 - 9	30	20/04/2020 bắt đầu
9	Hệ thống thông tin kế toán 1		Nguyễn Ngọc Minh	420300137301	DH12TT-GH	3	TH_N2	CN	6 - 9	25	20/04/2020 bắt đầu
10	Kế toán quản trị 3		Phạm Tú Anh	422000287202	KTQT-BTTH-DH11- GH-422000287202-DH12TT-HL- D2	2	LT	6	12 - 14	31	20/04/2020 bắt đầu

7. Khoa Thương mại Du lịch

STT	Môn học	Mã giảng viên	Giảng viên	Lớp học phần	Lớp danh nghĩa	STC	LT/TH	Thứ	Tiết	Đăng ký	Ghi chú
1	Quản trị nguồn nhân lực	01170005	Đặng Thu Hương	422000192402	DHKQ14BT	3	LT	2	6-8	90	Bắt đầu 20/04/2020
2	Đầu tư quốc tế	01031005	Võ Thị Thanh Thúy	420300142803	DHKQ13A	2	LT	3	4-5	80	Bắt đầu 20/04/2020
3	Đầu tư quốc tế		Võ Thị Thanh Thúy	420300142806	DHKQ13D	2	LT	2	4-5	80	Bắt đầu 20/04/2020
4	Quản trị kinh doanh quốc tế	01999002838	Phạm Thị Thủy Phương	420300386501	DHKQ13 GHEP KQ14	3	LT	3	6-8	95	Bắt đầu 20/04/2020
5	Quản trị kinh doanh quốc tế		Phạm Thị Thủy Phương	422000414202	DHKQ14TT	3	LT	4	9-11	80	Bắt đầu 20/04/2020
6	Văn hoá đa quốc gia		Phạm Thị Thủy Phương	420300346112	DHKQ12 ghep MK15	3	LT	4	6-8	90	Bắt đầu 20/04/2020
7		01031016		420300217607	DHKQ13B	3	LT	2	9-11	83	Bắt đầu 20/04/2020
8	Quản trị chuỗi cung ứng		Nguyễn Bình Phương Duy	420300217605	DHKQ13C	3	LT	4	3-5	86	Bắt đầu 20/04/2020
9				422000342102	DHKQ13ATT	3	LT	5	3-5	41	Bắt đầu 20/04/2020
10				420300253607	DHKQ13E	3	2/2	2	3-5	80	Bắt đầu 20/04/2020
11	Thanh toán trong kinh doanh quốc tế	01031012	Lê Thị Hồng Nhung	420300253605	DHKQ13G	3	2/2	3	8-10	80	Bắt đầu 20/04/2020
12				420300253604	DHKQ13A	3	2/2	4	9-11	80	Bắt đầu 20/04/2020
13				420300253606	DHKQ13F	3	2/2	5	6-8	80	Bắt đầu 20/04/2020
14	Cơ sở văn hóa Việt Nam	01180018	Nguyễn Thu Hà	422000373322	DHDTVT14ATT	3	LT	3	3-5	41	Bắt đầu 20/04/2020
15	Cơ sở văn hóa Việt Nam		Nguyễn Thu Hà	422000373321	DHKT15BT-N2	3	LT	6	6-8	33	Bắt đầu 20/04/2020
16	Cơ sở văn hóa Việt Nam		Nguyễn Thu Hà	422000373301	DHKT15ATT	3	LT	6	9-11	50	Bắt đầu 20/04/2020
17	Quản trị chất lượng	0199900068	Nguyễn Văn Ninh	420300164610	DNHN13A	3	LT	3	9-11	79	Bắt đầu 20/04/2020
18	An toàn vệ sinh thực phẩm	0199900068	Nguyễn Văn Ninh	420300412001	DNHN14A	2	LT	6	1-2	80	Bắt đầu 20/04/2020
19	An toàn vệ sinh thực phẩm	0199900068	Nguyễn Văn Ninh	20300266701	CDNH19A	2	LT	5	4 -> 5	80	Bắt đầu 20/04/2020
20	Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch	0199900068	Nguyễn Văn Ninh	20300252603	CDKS19B	2	LT	2	10 -> 11	125	Bắt đầu 20/04/2020
21	Môn hướng dẫn khoá luận	01140030	Võ Thị Thu Thủy	420300131805	DNHN12A	3	TH	3	6-7	50	Bắt đầu 20/04/2020
22	Tuyển điểm du lịch		Trần Văn Tâm	420300432801	DHLH14A	4	LT	2	6-8	80	Bắt đầu 20/04/2020
23	Marketing du lịch		Trần Văn Tâm	420300163901	DHLH14A	3	LT	3	1-3	90	Bắt đầu 20/04/2020
24	Phương pháp hướng dẫn du lịch	01310051	Trần Văn Tâm	420300436101	DHLH13A	3	LT	3	9-11	80	Bắt đầu 20/04/2020
25	Phương pháp hướng dẫn du lịch		Trần Văn Tâm	20300226301	CDHDDL 20	3	LT	4	6-8	80	Bắt đầu 20/04/2020
26	Tuyển điểm du lịch		Trần Văn Tâm	420300436201	DHLH13A	3	LT	5	9-11	80	Bắt đầu 20/04/2020
27	Quản trị sự kiện và hội nghị	01005002	Trương Công Hậu	420300413101	DHKS13A	3	LT	5	3-5	94	Bắt đầu 20/04/2020
28	Tổ chức sự kiện và hội nghị	01005002	Trương Công Hậu	020300250802	CDKS19B	3	LT	5	6-8	63	Bắt đầu 20/04/2020
29				422000133012	DHKQ15ATT	3	LT	2	6-8	40	Bắt đầu 20/04/2020
30	Kinh tế vi mô	01170007	Hồ Văn Dũng	420300101627	DHKQ15B	3	LT	2	9-11	80	Bắt đầu 20/04/2020
31				422000133013	DHKQ15BT	3	LT	3	1-3	39	Bắt đầu 20/04/2020
32				420300101628	DHKQ15A	3	LT	4	9-11	82	Bắt đầu 20/04/2020
33				420300253601	DHKQ13D	3	2/2	6	4-5	73	Bắt đầu 20/04/2020
34								6	9-11		Bắt đầu 20/04/2020
35	Thanh toán trong Kinh doanh Quốc tế	01170007	Hồ Văn Dũng	420300253602	DHKQ13C	3	2/2	4	6-7	59	Bắt đầu 20/04/2020
36								6	1-3		Bắt đầu 20/04/2020
37				420300253603	DHKQ13B	3	2/2	6	6-7	84	Bắt đầu 20/04/2020
38								4	4-5		Bắt đầu 20/04/2020

8. Khoa Luật

STT	Môn học	Mã giảng viên	Giảng viên	Lớp học phần	Lớp danh nghĩa	STC	LT/TH	Thứ	Tiết	Đăng ký	Ghi chú
1	Pháp luật đại cương	01130008	Nguyễn Thị Bảo Trọng	422000317204	DHCK13ATT	2	LT	2	3-5	32	Bắt đầu 20/04/2020
2				422000317203	DHCK13BT	2	LT	5	6-8	40	Bắt đầu 20/04/2020
3	Luật sở hữu trí tuệ	0199900141	Nguyễn Thái Bình	420300346602	DHLKT14A GHÉP DHTKT12A - HL	3	LT	3	3-5	80	Bắt đầu 20/04/2020
4	Lý luận nhà nước và pháp luật	01240003	Lương Thị Thủy Dương	420300238601	DHLKT15A	3	LT	4	3-5	81	Bắt đầu 20/04/2020
5				420300238602	DHLQT15A	3	LT	4	9-11	82	Bắt đầu 20/04/2020
6	Luật cạnh tranh và trong tài thương mại	01135001	Trần Thị Tâm Hào	420300229701	DHKT13A	3	LT	5	3-5	80	Bắt đầu 20/04/2020
7	Các tổ chức thương mại quốc tế	01123004	Nguyễn Lê Thành Minh	420300245601	DHLQT13A	3	LT	6	3-5	70	Bắt đầu 20/04/2020
8	Luật Dân Sự	01135002	Trần Thị Ngọc Hết	420300228801	DHLQT14A	3	LT	5	9-11	85	Bắt đầu 20/04/2020
9	Pháp luật đại cương	01135002	Trần Thị Ngọc Hết	420300242208	DHCT13B	2	LT	6	9-11	65	Bắt đầu 20/04/2020
10	Luật Kinh Doanh	01135010	Đào Thị Nguyệt	420300175601	DHQT13G GHÉP DHQT11CTT - HL	3	LT	3	12- 14	105	Bắt đầu 20/04/2020
11	Pháp luật về tài chính và ngân hàng	01135007	Nguyễn Quang Đạo	420300264701	DHLKT13A	3	LT	4	13-15	80	Bắt đầu 20/04/2020
12	Luật Kinh Doanh	01135007	Nguyễn Quang Đạo	422000380401	DHKQ14ATT	3	LT	5	13-15	80	Bắt đầu 20/04/2020
13	Pháp luật đại cương	01135007	Nguyễn Quang Đạo	420300242209	DHCT13C	2	LT	6	13-15	80	Bắt đầu 20/04/2020

9. Khoa Công nghệ Cơ khí

STT	Môn học	Mã giảng viên	Giảng viên	Lớp học phần	Lớp danh nghĩa	STC	LT/TH	Thứ	Tiết	Đăng ký	Ghi chú
1	Cơ lý thuyết	010170072	Hồ Thị Bạch Phương	020300304811	CDOT20H	2	LT	3	6-7	79	Bắt đầu 20/04/2020
2	Cơ lý thuyết - Tĩnh học	010170072	Hồ Thị Bạch Phương	420300091103	DHCK15A	2	LT	2	6-7	86	Bắt đầu 20/04/2020
3	Cơ lý thuyết	010170072	Hồ Thị Bạch Phương	020300304807	CDOT20D	2	LT	5	6-7	81	Bắt đầu 20/04/2020
4	Cơ lý thuyết	010170072	Hồ Thị Bạch Phương	020300304802 - 0203003048	CDOT19-HL	2	LT	7	4-5	80	Bắt đầu 20/04/2020
5	Cơ lý thuyết	010170072	Hồ Thị Bạch Phương	020300304806	CDOT20C	2	LT	CN	1-2	80	Bắt đầu 20/04/2020
6	Chi Tiết máy	01310024	Châu Ngọc Lê	420300079201	DHCT14A	3	LT	2	1-3	58	Bắt đầu 20/04/2020
7	Chi Tiết máy	01310024	Châu Ngọc Lê	420300079205	DHCBT14A	3	LT	2	6-8	80	Bắt đầu 20/04/2020
8	Máy cắt kim loại	01310017	Nguyễn Thị Niên	020300259502	CDCK19B	2	LT	2	8-9	50	Bắt đầu 20/04/2020
9	Máy cắt kim loại	01310017	Nguyễn Thị Niên	020300259503	CDCK19C	2	LT	5	6-7	80	Bắt đầu 20/04/2020

10	Máy cắt kim loại	01310017	Nguyễn Thị Niễn	020300259504	CDCK19D	2	LT	5	8-9	50	Bắt đầu 20/04/2020
11	Quản lí sản xuất công nghiệp	01021025	Nguyễn Khoa Triều	422000263403	DHCK13BTT	2	LT	3	6-7	45	Bắt đầu 20/04/2020
12	Quản lí sản xuất công nghiệp	01021025	Nguyễn Khoa Triều	420300203204	DHCT13B	2	LT	3	10-11	82	Bắt đầu 20/04/2020
13	Quản lí sản xuất công nghiệp	01021025	Nguyễn Khoa Triều	422000203205	DHCT13C	3	LT	6	4-5	83	Bắt đầu 20/04/2020
14	Truyền Động điện và điện tử công suất	01021026	Trần Ngọc Đăng Khoa	422000258802	DHCDT13BTT	3	LT	6	6-8	22	Bắt đầu 20/04/2020
15	Vẽ kỹ thuật	01110009	Ao Hùng Linh	420300068601	DHDTV10	2	LT	2	12-14	100	Bắt đầu 20/04/2020
16	Vẽ kỹ thuật	01110009	Ao Hùng Linh	420300329701	DHCT15A	3	LT	5	8-10	88	Bắt đầu 20/04/2020
17	Vẽ kỹ thuật	01021027	Đoàn Bảo Quốc	422000377604	DHCT11TT	3	LT	3	12-14	40	Bắt đầu 20/04/2020
18	Vẽ kỹ thuật	01021027	Đoàn Bảo Quốc	420300329705	DHNL15A	3	LT	CN	9-11	70	Bắt đầu 20/04/2020
19	Vẽ kỹ thuật	01021027	Đoàn Bảo Quốc	420300329703	DHCDT15A	3	LT	T7	3-5	80	Bắt đầu 20/04/2020
20	Robot công nghiệp	01110032	Nguyễn Quốc Hưng	422000174702	DHCK13BTT	3	LT	4	1-3	40	Bắt đầu 20/04/2020
21	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	01290042	Nguyễn Văn Biên	42030055301	DHCT11	2	LT	6	12-14	80	Bắt đầu 20/04/2020
22	Công nghệ chế tạo máy 1	01021004	Võ Ngọc Yến Phương	422000118501	DHCT14ATT	3	LT	7	1-3	34	Bắt đầu 20/04/2020
23	Thiết kế Công nghệ chế tạo máy	01021004	Võ Ngọc Yến Phương	420300299901	DHCT13A	1	TH	2	10-11	30	Bắt đầu 20/04/2020
24	Công nghệ chế tạo máy 1	01310019	Nguyễn Đức Nam	420300063803	DHCDT14A	3	LT	4	9-11	85	Bắt đầu 20/04/2020
25	Tự động hóa quá trình sản xuất	01310011	Nguyễn Ngọc Diệp	422000171901	DHCDT12ATT	3	LT/TH	3	4-5	35	Bắt đầu 20/04/2020
26	Tự động hóa quá trình sản xuất	01310011	Nguyễn Ngọc Diệp	422000171902	DHCDT12BTT	3	LT/TH	5	4-5	25	Bắt đầu 20/04/2020
27	Tự động hóa quá trình sản xuất	01310011	Nguyễn Ngọc Diệp	420300055803	DHCT12A	3	LT/TH	3	9-11	76	Bắt đầu 20/04/2020
28	Thiết kế Công nghệ chế tạo máy	01110023	Tôn Thất Nguyễn Thy	420300299904	DHCT13B	1	TH	2	4-5	30	Bắt đầu 20/04/2020
29	Công nghệ kim loại	01110023	Tôn Thất Nguyễn Thy	420300064402	DHCT14B	2	LT	4	4-5	80	Bắt đầu 20/04/2020

10. Khoa Công Nghệ Điện

STT	Môn học	Mã giảng viên	Giảng viên	Lớp học phần	Lớp danh nghĩa	STC	LT/TH	Thứ	Tiết	Đăng ký	Ghi chú
1	Kỹ thuật điều khiển tự động	0199900101	Hoàng Đình Khôi	422000198203	DHDKT014ATT	4	LT	6	2-3	42	Bắt đầu 20/04/2020
2	Điện tử công suất	01038007	Phạm Quốc Khanh	420300068409	DHDKT014B	4	LT	5	9-10	81	Bắt đầu 20/04/2020
3	Máy điện	01390022	Lê Văn Đại	422000201001	DHDI014ATT	4	LT	5	2-3	29	Bắt đầu 20/04/2020
4	Kỹ thuật điều khiển tự động	01038006	Bùi Thị Cẩm Quỳnh	420300068706	DHDKT014A	4	LT	3	7-8	77	Bắt đầu 20/04/2020
5	Khi cụ điện	01290055	Đương Hữu Phước	422000216301	DHDKT014BTT	3	LT	3	2-3	29	Bắt đầu 20/04/2020
6	Mạch điện	0199900211	Phạm Thị Lệ Diễm	422000192702	DHDI15ATT	3	LT	4	4-5	30	Bắt đầu 20/04/2020
7	Mạch điện	0199900211	Phạm Thị Lệ Diễm	420300096307	DHDI15B	3	LT	3	4-5	80	Bắt đầu 20/04/2020
8	Kỹ thuật xử lý	01038017	Hoàng Thị Tú Uyên	420300086905	DHDI13A	3	LT	3	7-8	55	Bắt đầu 20/04/2020
9	Kỹ thuật xử lý	01038017	Hoàng Thị Tú Uyên	420300086906	DHDI13B	3	LT	4	9-10	45	Bắt đầu 20/04/2020
10	Ngôn ngữ lập trình C	01038017	Hoàng Thị Tú Uyên	420300075602	DHDKT014A	3	LT	6	7-8	74	Bắt đầu 20/04/2020
11	Trường điện từ	01038011	Nguyễn Hoài Thương	422000188004	DHDI15ATT	3	LT	4	7-8	33	Bắt đầu 20/04/2020
12	Trường điện từ	01038011	Nguyễn Hoài Thương	420300060703	DHDI15C	3	LT	5	7-8	80	Bắt đầu 20/04/2020
13	Trường điện từ	01038011	Nguyễn Hoài Thương	420300060704	DHDI15D	3	LT	5	4-5	81	Bắt đầu 20/04/2020
14	Mạch điện	01100011	Đinh Thị Thanh Thảo	422000192703	DHDI15BTT	3	LT	4	7-8	34	Bắt đầu 20/04/2020
15	Mạch điện	01100011	Đinh Thị Thanh Thảo	420300096308	DHDI15D	3	LT	5	7-8	80	Bắt đầu 20/04/2020
16	Kỹ thuật an toàn	01290031	Trần Thị Giang Thanh	420300351513	DHDI14A	3	LT	6	9-10	68	Bắt đầu 20/04/2020
17	Mô hình hóa và mô phỏng cho hệ thống	01290058	Nguyễn Thị Diệu An	420300058603	DHDKT013C	3	LT	3	4-5	50	Bắt đầu 20/04/2020
18	Điện tử công suất	01038007	Phạm Quốc Khanh	422000170403	DHDKT014BTT	4	LT	4	4-5	27	Bắt đầu 20/04/2020
19	Điện tử công suất	01038007	Phạm Quốc Khanh	422000170403	DHDKT014BTT	4	LT	6	2-3	27	Bắt đầu 20/04/2020
20	Máy điện	01390022	Lê Văn Đại	420300103702	DHDKT014A	4	LT	3	9-10	80	Bắt đầu 20/04/2020
21	Máy điện	01390022	Lê Văn Đại	420300103702	DHDKT014A	4	LT	5	7-8	80	Bắt đầu 20/04/2020
22	Máy điện	01390022	Lê Văn Đại	420300103701	DHDKT014B	4	LT	2	9-10	74	Bắt đầu 20/04/2020
23	Máy điện	01390022	Lê Văn Đại	420300103701	DHDKT014B	4	LT	4	7-8	74	Bắt đầu 20/04/2020
24	Thiết lập dự án kỹ thuật	01100011	Đinh Thị Thanh Thảo	422000317305	DHDI13ATT	2	TH	2	2-3	26	Bắt đầu 20/04/2020
25	Thiết lập dự án kỹ thuật	01038014	Nguyễn Thanh Thuận	420300314901	DHDI13A	2	TH	2	4-5	28	Bắt đầu 20/04/2020
26	Thiết lập dự án kỹ thuật	01290030	Phan Thị Hạnh Trinh	420300314909	DHDI13A	2	TH	6	7-8	22	Bắt đầu 20/04/2020
27	Thiết lập dự án kỹ thuật	0199900211	Phạm Thị Lệ Diễm	420300314902	DHDI13B	2	TH	5	2-3	24	Bắt đầu 20/04/2020
28	Thiết lập dự án kỹ thuật	01038003	Nguyễn Huy Khiêm	420300314910	DHDI13B	2	TH	6	4-5	23	Bắt đầu 20/04/2020
29	Thiết lập dự án kỹ thuật	01290037	Ngô Thanh Quyền	420300314907	DHDKT013B	2	TH	2	7-8	24	Bắt đầu 20/04/2020
30	Thiết lập dự án kỹ thuật	01038004	Nguyễn Anh Tuấn	420300314914	DHDKT013B	2	TH	6	2-3	20	Bắt đầu 20/04/2020
31	Thiết lập dự án kỹ thuật	0199900105	Nguyễn Đức Toàn	420300314906	DHDKT013C	2	TH	6	4-5	25	Bắt đầu 20/04/2020
32	Thiết lập dự án kỹ thuật	01290026	Phạm Công Đức	420300314903	DHDI13C	2	TH	3	2-3	30	Bắt đầu 20/04/2020
33	Thiết lập dự án kỹ thuật	01290026	Phạm Công Đức	420300314911	DHDI13C	2	TH	6	7-8	27	Bắt đầu 20/04/2020
34	Thiết lập dự án kỹ thuật	01038005	Lâm Bình Minh	420300314908	DHDKT013A	2	TH	2	7-8	26	Bắt đầu 20/04/2020
35	Thiết lập dự án kỹ thuật	01390019	Lê Long Hồ	420300314917	DHDKT013A	2	TH	4	2-3	25	Bắt đầu 20/04/2020
36	Hệ thống điện	01038012	Võ Trung Kiên	423701045701	DHDI15AVL	3	LT	3	12-14	30	Bắt đầu 20/04/2020
37	Thiết kế cung cấp điện	08081001	Nguyễn Ngọc Anh	423701045902	DHDI15AVLBT	3	TH	8	7-10	35	Bắt đầu 20/04/2020
38	Hệ thống điện	01290008	Đương Thanh Long	423701045702	DHDI15AVLBT	3	LT	8	2-3	35	Bắt đầu 20/04/2020
39	Năng lượng tái tạo và tích trữ năng lượng	01100007	Nguyễn Trung Nhân	700300508401	CHDI9A	4	LT	8	6-10	8	Bắt đầu 20/04/2020
40	Điện tử công suất năng cao	01290048	Châu Minh Thuận	700300507201	CHDI9A	4	TH	8	2-3	8	Bắt đầu 20/04/2020

11. Khoa Công Nghệ Điện Tử

STT	Môn học	Mã giảng viên	Giảng viên	Lớp học phần	Lớp danh nghĩa	STC	LT/TH	Thứ	Tiết	Đăng ký	Ghi chú
1	Kỹ thuật xử lý	01280019	Lê Lý Quyên Quyên	422000198501	DHDTV134ATT	2	LT	5	6-8		Bắt đầu 20/04/2020
2	Hệ thống nhúng thời gian thực	0199900195	Nguyễn Văn Duy	420300226901	DHDTMT13_GL_DH12	3	LT	5	9-11		Bắt đầu 20/04/2020
3	Thiết kế vi mạch số với HDL	01280037	Vũ Thị Hồng Nga	420300353401	DHDTMT14A	2	LT	6	4-5		Bắt đầu 20/04/2020
4	Mạch điện tử	01100015	Bùi Thu Cao	420300108401	DHDTMT12_GL_DH11	3	LT	7	3-5		Bắt đầu 20/04/2020
5	Linh kiện điện tử	0199900059	Lưu Thế Vinh	422000413801	DHDTV151ATT	2	LT	6	1-3		Bắt đầu 20/04/2020
6	Hệ thống viễn thông	01100015	Bùi Thu Cao	423700355101	HTVT-DHDTV111_GL_DHDTV151AVL	3	LT	4	12-14		Bắt đầu 20/04/2020
7	Xử lý tín hiệu	01280008	Đào Thị Thu Thủy	420300089901	XLTH-DHDT12_GL_DH11_420300089901	4	LT	3	12-14		Bắt đầu 20/04/2020
8	Xử lý tín hiệu	01280008	Đào Thị Thu Thủy	420300089901	XLTH-DHDT12_GL_DH11_420300089901	4	LT	5	12-14		Bắt đầu 20/04/2020
9	Mạng và truyền dữ liệu ngành điện tử	06690045	Trần Quý Hữu	420300089702	MVTDL_ DHVT13B_GL_DH10_11_420300089702	2	LT	3	6-8		Bắt đầu 20/04/2020
10	Cảm biến và thiết bị thông minh	0199900039	Trần Hữu Toàn	420300207201	DHDTMT13B	2	LT	5	1-3		Bắt đầu 20/04/2020
11	Vũ xử lí	01280019	Lê Lý Quyên Quyên	420300085801	DHDT12HL	3	LT	2	12-14		Bắt đầu 20/04/2020

12. Khoa Công nghệ Động lực

STT	Môn học	Mã giảng viên	Giảng viên	Lớp học phần	Lớp danh nghĩa	STC	LT/TH	Thứ	Tiết	Đăng ký	Ghi chú
1	Kỹ thuật bảo dưỡng và sửa chữa ô tô	01040010	Nguyễn Bảo Lộc	020300304919	CDOT19G	2	LT	2	4-5	75	Bắt đầu 20/04/2020
2	Năng lượng mới trên ô tô	01040018	Võ Tấn Châu	420300119704	DHOT13D	3	LT	2	1-2	75	Bắt đầu 20/04/2020
3	Nguyên lý động cơ đốt trong	0199900306	Hồ Trọng Du	420300071901	NLDCDT_DHOTHL_D2	3	LT	2,4	12-14	65	Bắt đầu 20/04/2020
4	Năng lượng mới trên ô tô	0199900306	Hồ Trọng Du	420300119703	DHOT13C	3	LT	3	1-3	74	Bắt đầu 20/04/2020
5	Năng lượng mới trên ô tô	01040016	Phạm Sơn Tùng	420300119702	DHOT13B	3	LT	4	3-5	73	Bắt đầu 20/04/2020
6	Công nghệ chẩn đoán, sửa chữa và kiểm định ô tô	01040016	Phạm Sơn Tùng	420300110501	CNCDSCVKDOT-DHOTHL-D2	3	LT	CN	1-3	50	Bắt đầu 20/04/2020
7	Quản lý dịch vụ ô tô	01040011	Nguyễn Ngọc Huyền Trang	020300282621	QLDVOT_CD16HlghepCD19_020300282621	2	LT	CN	1-2	80	Bắt đầu 20/04/2020
8	Quản lý dịch vụ ô tô	01040011	Nguyễn Ngọc Huyền Trang	020300282623	CDOT19L	2	LT	CN	4-5	80	Bắt đầu 20/04/2020
9	Hệ thống điện thân xe	01040011	Nguyễn Ngọc Huyền Trang	420300119506	HTDTX_DHOT12_HL_D2	2	LT	2	12-14	80	Bắt đầu 20/04/2020
10	Hệ thống điện động cơ ô tô	01040020	Lê Thanh Quang	420300085702	DHOT13B	3	LT	2	9-11	80	Bắt đầu 20/04/2020
11	Hệ thống điện thân xe	0199900146	Phan Văn Nhựt	020300243601	CDOT20A	2	LT	6	1-2	80	Bắt đầu 20/04/2020
12	Tính toán kết cấu cầu ô tô	0199900056	Trần Anh Sơn	420300312001	TTKOT_ghep420300312001_420300072201_4237000916501	3	LT	2,3,4	6-8	80	Bắt đầu 20/04/2020
13	Tính toán kết cấu cầu ô tô	01040017	Nguyễn Khôi Nguyễn	420300312001	TTKOT_ghep420300312001_420300072201_4237000916501	1	TH	4	1-5	27	Bắt đầu 20/04/2020
14	Tính toán kết cấu cầu ô tô	01220039	Nguyễn Xuân Ngọc	420300312001	TTKOT_ghep420300312001_420300072201_4237000916501	1	TH	6,7	6-10	27	Bắt đầu 20/04/2020
15	Kỹ thuật ô tô chuyên dùng	01230012	Võ Lâm Kim Thanh	020300260421	KTOTCD_CD16HlghepCD19_020300260421	2	LT	5	4-5	80	Bắt đầu 20/04/2020
16	Kết cấu khung-gầm ô tô	01220039	Nguyễn Xuân Ngọc	020300285008	CDOT20G	3	LT	5	6-8	80	Bắt đầu 20/04/2020

13.Khoa Công nghệ Hóa học

STT	Môn học	Mã giảng viên	Giảng viên	Lớp học phần	Lớp danh nghĩa	STC	LT/TH	Thứ	Tiết	Đăng ký	Ghi chú
1	Truyền nhiệt	01270018	Trần Hoài Đức	422000215302	HL_DHHO12TT_TN	3	LT	3	2-5	30	Bắt đầu 20/04/2020
2	Kỹ thuật xúc tác	0199900369	Khưu Châu Quang	423700903001	DHHO15AVL	3	LT	2	12-14	33	Bắt đầu 20/04/2020

14. Công nghệ Nhiệt lạnh

STT	Môn học	Mã giảng viên	Giảng viên	Lớp học phần	Lớp danh nghĩa	STC	LT/TH	Thứ	Tiết	Đăng ký	Ghi chú
1	Nhiệt động lực học kỹ thuật	0896000099	Nguyễn Văn Dũng	420300137103	DHNL15C	3	LT	2	6-8	65	Bắt đầu 20/04/2020
2	Nhiệt động lực học kỹ thuật	01300010	Võ Long Hải	420300137101	DHNL15A	3	LT	3	3-5	70	Bắt đầu 20/04/2020
3	Kỹ thuật nhiệt	01300018	Trương Quang Trúc	422000171802	DHCK13BTT	3	LT	2	1-3	33	Bắt đầu 20/04/2020
4	Kỹ thuật lạnh ứng dụng	0896000099	Nguyễn Văn Dũng	420300206601	DHNL13A	3	LT	6	3-5	70	Bắt đầu 20/04/2020
5	Kỹ thuật lạnh cơ sở	01300007	Nguyễn Thị Tâm Thanh	420300254101	DHNL14A	2	LT	2	1-2	80	Bắt đầu 20/04/2020
6	Kỹ thuật thông gió và điều hòa không khí - LT(60)	01300007	Nguyễn Thị Tâm Thanh	420300328902	DHNL13B	4	LT	5	4 - 5	80	Bắt đầu 20/04/2020
7	Kỹ thuật thông gió và điều hòa không khí - LT(60)	01300007	Nguyễn Thị Tâm Thanh	420300328902	DHNL13B	4	LT	6	9 - 11	80	Bắt đầu 20/04/2020
8	Kỹ thuật thông gió và điều hòa không khí - LT(60)	01300007	Nguyễn Thị Tâm Thanh	420300328901	DHNL13A	4	LT	6	6 - 8	80	Bắt đầu 20/04/2020
9	Kỹ thuật lạnh ứng dụng - LT(45)	08081005	Lê Văn Thương	420300206602	DHNL13B	3	LT	6	6 - 8	80	Bắt đầu 20/04/2020
10	Nhà máy nhiệt điện - LT(45)	01041003	Lê Đình Nhật Hoài	420300141901	DHNL13A	3	LT	5	3 - 5	80	Bắt đầu 20/04/2020
11	Nhà máy nhiệt điện - LT(45)	01041003	Lê Đình Nhật Hoài	420300141903	DHNL12A_HOCLAI_NMND	3	LT	4	12 - 14	80	Bắt đầu 20/04/2020
12	Bơm - Quạt - Máy nén - LT(45)	0199900318	Phạm Quang Phú	420300269401	DHNL14A	3	LT	2	3 - 5	80	Bắt đầu 20/04/2020
13	Vận hành và bảo trì các hệ thống nhiệt - lạnh - LT(45)	01300012	Vũ Đức Phương	420300158901	DHNL13A	3	LT	6	9 - 11	70	Bắt đầu 20/04/2020
14	Vận hành và bảo trì các hệ thống nhiệt - lạnh - LT(45)	01300006	Trần Việt Hùng	420300158903	DHNL11A_HOCLAI_VHV8HTNLT	3	LT	4	6 - 8	50	Bắt đầu 20/04/2020

15. Công nghệ Thông tin

STT	Môn học	Mã giảng viên	Giảng viên	Lớp học phần	Lớp danh nghĩa	STC	LT/TH	Thứ	Tiết	Đăng ký	Ghi chú
1	Lý thuyết đồ thị	01120022	Hồ Đức Quân	420300090801	DHKHMT14	3	LT	2	1-3		Bắt đầu 20/04/2020
2	Lập trình hướng sự kiện java	01120014	Trần Thị Anh Thi	422000287601	DHKTPM14BTT	3	LT	2	1-3		Bắt đầu 20/04/2020
3	Lập trình hướng sự kiện java	01120013	Nguyễn Thị Hoàng Khánh	420300207003	LTHSK JAVA_420300207003 GHEP DHKTPM14_2	3	LT	2	4-5		Bắt đầu 20/04/2020
4	Kỹ Thuật Lập trình	06000001	Lê Thị Ánh Tuyết	420300094102	DHTH15A	3	LT	2	6-8		Bắt đầu 20/04/2020
5	Nhập môn thương mại điện tử	01036014	Huỳnh Nam	020300271401	CDCNTT19A	3	LT	2	6-8		Bắt đầu 20/04/2020
6	Kỹ Thuật Lập trình	06000001	Lê Thị Ánh Tuyết	420300094103	DHTH15F	3	TH	2	9-11		Bắt đầu 20/04/2020
7	Hệ Thống và Công nghệ Web	06690051	Đặng Văn Thuận	420300214509	DHKTPM14	3	TH	2	12-14		Bắt đầu 20/04/2020
8	Hệ Thống và Công nghệ Web	06690051	Đặng Văn Thuận	422000239902	DHKTPM14BTT	3	LT	3	1-3		Bắt đầu 20/04/2020
9	Lập trình www	01120036	Võ Thị Thanh Vân	420300273302	LT WWW_420300155302 GHEP DHKTPM13A	3	LT	3	1-3		Bắt đầu 20/04/2020
10	Hệ Thống và Công nghệ Web	01120012	Đặng Thị Thu Hà	420300214508	DHKHMT14	3	LT	3	1-3		Bắt đầu 20/04/2020
11	Hệ Thống và Công nghệ Web	06690007	Nguyễn Trọng Tiến	420300214506	HT cong nghe web/Lt web DHCNTT14/DH10TT HL	3	LT	3	4-5		Bắt đầu 20/04/2020
12	An toàn thông tin	0199900060	Lê Nhật Duy	420300365928	DHKT141	3	LT	3	4-5		Bắt đầu 20/04/2020
13	Lập trình hướng sự kiện .NET	01120043	Phạm Quảng Trí	420300204402	LTHSK.NET_420300081201 GHEP DHKTPM14_2	3	LT	3	6-8		Bắt đầu 20/04/2020
14	Kiến trúc và thiết kế phần mềm	01120036	Võ Thị Thanh Vân	420300154901	GL Kien truc va thiet ke phan mem DHKTPM13A/DHKTPM	3	LT	3	6-8		Bắt đầu 20/04/2020
15	Hệ Thống và Công nghệ Web	01120012	Đặng Thị Thu Hà	420300214509	DHKTPM14	3	LT	3	6-8		Bắt đầu 20/04/2020
16	Lập trình www	01120036	Võ Thị Thanh Vân	422000244702	DHKTPM13BTT	3	LT	3	9-11		Bắt đầu 20/04/2020
17	Hệ Thống và Công nghệ Web	01120012	Đặng Thị Thu Hà	420300214507	DHHTTT14	3	LT	3	9-11		Bắt đầu 20/04/2020
18	Kiến trúc và thiết kế phần mềm	01120036	Võ Thị Thanh Vân	420300154902	DHKTPM13B	3	LT	4	1-3		Bắt đầu 20/04/2020
19	Đồ họa ứng dụng	01120048	Giảng Thanh Tron	020300270107	CDCNTT208	2	TH	4	1-5		Bắt đầu 20/04/2020
20	Lập trình hướng sự kiện java	01120013	Nguyễn Thị Hoàng Khánh	420300207003	LTHSK JAVA_420300207003 GHEP DHKTPM14_2	3	LT	4	4-5		Bắt đầu 20/04/2020
21	Hệ Thống và Công nghệ Web	06690007	Nguyễn Trọng Tiến	420300214506	HT cong nghe web/Lt web DHCNTT14/DH10TT HL	3	TH	4	9-11		Bắt đầu 20/04/2020
22	Hệ Thống và Công nghệ Web	06690051	Đặng Văn Thuận	420300214507	DHHTTT14	3	TH	4	12-14		Bắt đầu 20/04/2020
23	Hệ thống Máy tính	08600027	Nguyễn Xuân Lô	420300213711	DHTH15B	3	LT	5	1-3		Bắt đầu 20/04/2020
24	Kỹ Thuật Lập trình	01120009	Tôn Long Phước	420300094110	DHTH15K	3	LT	5	1-3		Bắt đầu 20/04/2020
25	Hệ cơ sở dữ liệu	01220024	Nguyễn Trần Kỳ	020300262904	CDCNTT20D	4	LT	5	4-5		Bắt đầu 20/04/2020
26	Kỹ Thuật Lập trình	01036001	Nguyễn Hữu Tinh	420300094104	DHTH15E	3	TH	5	6-8		Bắt đầu 20/04/2020
27	Hệ Thống và Công nghệ Web	06690051	Đặng Văn Thuận	422000239902	DHKTPM14BTT	3	TH	6	1-3		Bắt đầu 20/04/2020
28	Hệ Thống và Công nghệ Web	01120013	Nguyễn Thị Hoàng Khánh	422000239902	DHKTPM14BTT	3	TH	6	1-3		Bắt đầu 20/04/2020
29	Lập trình hướng sự kiện java	01120014	Trần Thị Anh Thi	420300207001	DHKTPM14	3	LT	6	1-3		Bắt đầu 20/04/2020
30	Kỹ Thuật Lập trình	01370029	Đặng Thị Phúc	420300094101	DHTH15B	3	LT	6	4-5		Bắt đầu 20/04/2020
31	Kỹ Thuật Lập trình	06530003	Trương Khắc Tùng	422000178201	DHKTPM15ATT	3	LT	6	4-5		Bắt đầu 20/04/2020
32	An toàn thông tin	0199900060	Lê Nhật Duy	420300365919	DHKT14B	3	LT	6	4-5		Bắt đầu 20/04/2020
33	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	01120016	Nguyễn Văn Thắng	420300207003	DHKTPM14BTT	3	TH	6	6-8		Bắt đầu 20/04/2020
34	Thống kê máy tính & ứng dụng	01036001	Nguyễn Hữu Tinh	420300345101	DHKHMT14	3	LT	6	9-11		Bắt đầu 20/04/2020
35	Lập trình hướng sự kiện java	01120013	Nguyễn Thị Hoàng Khánh	420300207003	LTHSK JAVA_420300207003 GHEP DHKTPM14_2	3	TH	6	9-11		Bắt đầu 20/04/2020
36	Hệ Thống và Công nghệ Web	06690051	Đặng Văn Thuận	420300214506	HT cong nghe web/Lt web DHCNTT14/DH10TT HL	3	TH	6	12-14		Bắt đầu 20/04/2020
37	Kỹ Thuật Lập trình	01120024	Hàn Trung Đình	420300094105	DHTH15D	3	LT	7	1-3		Bắt đầu 20/04/2020
38	Lập trình hướng sự kiện .NET	01120016	Nguyễn Văn Thắng	420300204401	DHKTPM14	4	TH	7	1-3		Bắt đầu 20/04/2020
39	Hệ cơ sở dữ liệu	01120016	Nguyễn Văn Thắng	420300114609	DHKTPM14_2	4	TH	7	6-8		Bắt đầu 20/04/2020
40	Kỹ Thuật Lập trình	01120024	Hàn Trung Đình	420300094109	DHTH15I	3	TH	8	6-8		Bắt đầu 20/04/2020
41	Hệ Thống và Công nghệ Web	06690051	Đặng Văn Thuận	420300214510	LT WEB_420300100001 GHEP DHKTPM14_2	3	TH	8	9-11		Bắt đầu 20/04/2020
42	Đồ họa máy tính	01920023	Bùi Công Danh	420300136701	DHKHMT11A HL	3	LT	8	9-11		Bắt đầu 20/04/2020
43	Trí tuệ nhân tạo	01120024	Hàn Trung Đình	423700922901	GL Tri tue nhan tao DHCNTT15AVL/DHKTPM11TT HL	3	LT	8	9-11		Bắt đầu 20/04/2020
44	Phân tích thiết kế hệ thống	01036004	Lê Thủy Trang	420300375302	DHKHMT14	3	LT	2	4-5		Bắt đầu 20/04/2020
45	Phân tích thiết kế hệ thống	TG11080022	Từ Thị Xuân Hiền	420300375301	DHHTTT14	3	LT	2	9-11		Bắt đầu 20/04/2020
46	Kỹ thuật lập trình	01120024	Hàn Trung Đình	420300094105	DHTH15D	3	TH	7	9-11		Bắt đầu 20/04/2020
47	Hệ cơ sở dữ liệu	01120039	Trần Thị Kim Chi	420300114608	DHCNTT14	4	LT	3	6-8		Bắt đầu 20/04/2020
48	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	01120039	Trần Thị Kim Chi	422000172402	DHKTPM14BTT	3	LT	3	4-5		Bắt đầu 20/04/2020
49	Nhập môn an toàn thông tin	1220022	Nguyễn Thị Hạnh	422000181502	DHKTPM13BTT	3	LT	6	6-8		Bắt đầu 20/04/2020
50	Tiếng Anh chuyên ngành CNTT	01120040	Nguyễn Thị Trúc Ly	422000147601	TACN_422000147601 GHEP DHCNTT10A HL	3	LT	8	6-8		Bắt đầu 20/04/2020
51	Hệ cơ sở dữ liệu	01036010	Đoàn Văn Thắng	420300114609	DHKTPM14_2	4	TH	7	6-8		Bắt đầu 20/04/2020
52	Mạng máy tính	01036006	Phạm Thái Khanh	420300105801	DHKHMT14	3	LT	4	9-11		Bắt đầu 20/04/2020
53	Cơ sở dữ liệu	01036013	Phan Thị Bảo Trân	420300391601	DHTMDT14A	3	TH	5	6-8		Bắt đầu 20/04/2020
54	Phân tích thiết kế hệ thống	01036010	Đoàn Văn Thắng	422000379102	DHKTPM14BTT	3	TH	5	9-11		Bắt đầu 20/04/2020
55	Kỹ thuật lập trình	06000001	Lê Thị Ánh Tuyết	420300094105	DHTH15D	3	TH	7	6-8		Bắt đầu 20/04/2020
56	Phân tích thiết kế hệ thống	TG11080022	Từ Thị Xuân Hiền	420300375302	DHKHMT14	3	TH	5	6-8		Bắt đầu 20/04/2020
57	Phân tích thiết kế hệ thống	TG11080022	Từ Thị Xuân Hiền	420300375301	DHHTTT14 - Nhóm 3	3	TH	5	9-11		Bắt đầu 20/04/2020
58	Phân tích thiết kế hệ thống	TG11080022	Từ Thị Xuân Hiền	420300375301	DHHTTT14 - Nhóm 1	3	TH	6	6-8		Bắt đầu 20/04/2020
59	Đảm bảo chất lượng và kiểm thử phần mềm	01120050	Châu Thị Bảo Hà	422000151501	DHKTPM13CTT	3	LT	4	9-11		Bắt đầu 20/04/2020
60	Kỹ thuật lập trình	01120024	Hàn Trung Đình	420300094105	DHTH15D	3	TH	7	6-8		Bắt đầu 20/04/2020
61	Hệ thống Máy tính	01036011	Lê Thị Thủy	420300213701	DHTH15E	4	LT	4	9-11		Bắt đầu 20/04/2020

16. Khoa: Máy Thời Trang

STT	Môn học	Mã giảng viên	Giảng viên	Lớp học phần	Lớp danh nghĩa	STC	LT/TH	Thứ	Tiết	Đăng ký	Ghi chú
1	Thực tập doanh nghiệp 1	1200019	Lê Ngọc Lễ	420300259106	DHTR12A-N2	60	TH	6	6, 11	24	Bắt đầu 20/04/2020
2	Thực tập doanh nghiệp 1	1200003	Bùi Thị Cẩm Loan	420300259102	DHTR12A-N1	60	TH	5	6, 11	24	Bắt đầu 20/04/2020
3	Tạo mẫu trang phục	1200002	Nguyễn Mậu Tùng	420300075103	DHTR12C	30	LT	3	3, 5	60	Bắt đầu 20/04/2020
4	Tạo mẫu trang phục	1200014	Phạm Thị Thảo	420300075101	DHTR12A	30	LT	2	6, 8	71	Bắt đầu 20/04/2020
5	Tạo mẫu trang phục	1200014	Phạm Thị Thảo	420300075102	DHTR12B	30	LT	4	6, 8	63	Bắt đầu 20/04/2020
6	TKTP Ân tượng - lễ hội (LT)	1032007	Mai Cẩm Tú	420300164301	DHTKT12A	30	LT	6	3, 5	41	Bắt đầu 20/04/2020
7	TKTP Ân tượng - lễ hội (TH)	1032007	Mai Cẩm Tú	420300164301	DHTKT12A	30	TH	4	1, 5	20	Bắt đầu 20/04/2020
8	Thực tập doanh nghiệp 1	1200025	Hà Tú Văn	420300259109	DHTR12B-N3	60	TH	3	1, 5	21	Bắt đầu 20/04/2020
9	Thực tập doanh nghiệp 2	1200025	Hà Tú Văn	420300259105	DHTR12C-N3	60	TH	4	1, 5	20	Bắt đầu 20/04/2020
10	Thực tập doanh nghiệp 3	1200017	Nguyễn Thị Mỹ Chiên	420300259101	DHTR12C-N1	60	TH	5	1, 5	20	Bắt đầu 20/04/2020

11	Thực tập doanh nghiệp 4	1200016	Huỳnh Văn Thúc	420300259104	DHTR12C-N2	60	TH	5	6_11	20	Bắt đầu 20/04/2020
12	Thực tập doanh nghiệp 5	1200031	Kiều Tấn Đoàn	420300259108	DHTR12B-N2	60	TH	6	1_5	21	Bắt đầu 20/04/2020
13	Thực tập doanh nghiệp 6	1200009	Phạm Nhật Chi Mai	420300259107	DHTR12A-N3	60	TH	6	6_11	23	Bắt đầu 20/04/2020
14	Thực tập doanh nghiệp 7	1200011	Nguyễn Thị Thanh Trúc	420300259103	DHTR12B-N1	60	TH	5	1_5	21	Bắt đầu 20/04/2020

17. Khoa Kỹ thuật Xây dựng

STT	Môn học	Mã giảng viên	Giảng viên	Lớp học phần	Lớp danh nghĩa	STC	LT/TH	Thứ	Tiết	Đăng ký	Ghi chú
1	Cơ học đất	01086002	Nguyễn Thị Phương Linh	420301186702	DHKTXD14B + DHKTCTXD12A	3	LT	2	6 - 8	63 + 18	Bắt đầu 20/04/2020
2	Cơ học kết cấu	01086001	Đỗ Cao Phan	420300205501	DHKTXD14B	4	LT	2, 7	4 - 5, 1 - 2	61	Bắt đầu 20/04/2020
3	Cơ học kết cấu	01086001	Đỗ Cao Phan	420300205502	DHKTXD14A	4	LT	2 3	12 - 13 12 - 13	74	Bắt đầu 20/04/2020
4	Công nghệ vật liệu mới	01086006	Lê Tấn	420300359701	DHKTXD14B	3	LT	3	6 - 8	84	Bắt đầu 20/04/2020
5	Kết cấu thép công trình giao thông	01086001	Đỗ Cao Phan	420300236801	DHKTXDGT12A	3	LT	5	12 - 14	12	Bắt đầu 20/04/2020
6	Môi trường và bền vững trong xây dựng	01086008	Lê Thị Thuý Linh	420300224902	DHKTXD14A	3	LT	3	1 - 3	54	Bắt đầu 20/04/2020

18. Viện CN Sinh học và Thực phẩm

STT	Môn học	Mã giảng viên	Giảng viên	Lớp học phần	Lớp danh nghĩa	STC	LT/TH	Thứ	Tiết	Đăng ký	Ghi chú
1	Phân tích thực phẩm	01034015	Đoàn Như Khuê	422000281201	PTTP_DHTP10TT_GL_DHTP14BTT_42200028201			22	6	1-3	Bắt đầu 20/04/2020
2	Phân tích thực phẩm	01034012	Nguyễn Thị Hương	420300218203	DHTP14B			58	5	1-3	Bắt đầu 20/04/2020
3	Phân tích thực phẩm	01140012	Lê Nhất Tâm	420300218201	DHTP14A			70	2	4-5	Bắt đầu 20/04/2020
4	Phân tích thực phẩm	01140012	Lê Nhất Tâm	420300218201	DHTP14A			70	5	9-10	Bắt đầu 20/04/2020
5	Phân tích thực phẩm	01140012	Lê Nhất Tâm	422000281202	DHTP14ATT			30	2	6-7	Bắt đầu 20/04/2020
6	Phân tích thực phẩm	01140012	Lê Nhất Tâm	422000281202	DHTP14ATT			30	5	6-7	Bắt đầu 20/04/2020
7	Phân tích thực phẩm	01140012	Lê Nhất Tâm	420300218202	ĐHĐBTP14A			55	4	9-11	Bắt đầu 20/04/2020
8	Phân tích thực phẩm	01140012	Lê Nhất Tâm	420300218202	ĐHĐBTP14A			55	5	4-5	Bắt đầu 20/04/2020
9	Bảo quản và chế biến thực phẩm	01140022	Lê Phạm Tấn Quốc	420300327701	DHĐBTP13A			50	7	2-4	Bắt đầu 20/04/2020
10	Hóa học thực phẩm	01140034	Nguyễn Thị Trang	420300335603	Đại học Thực phẩm 14A			80	3	9-11	Bắt đầu 20/04/2020
11	Hóa học thực phẩm	01140034	Nguyễn Thị Trang	420300335603	Đại học Dinh dưỡng và KHTp 14A			48	3	1-3	Bắt đầu 20/04/2020
12	Khoa học hành vi về sức khỏe	01140021	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	420300292601	Đại học dinh dưỡng 14a			29	6	9-11	Bắt đầu 20/04/2020
13	Phương pháp nghiên cứu trong công nghệ kỹ thuật sinh học	01034025	Nguyễn Thị Kim Anh	4203002184 01	DHSH13A			70	3	4-5	Bắt đầu 20/04/2020
14	Phương pháp nghiên cứu trong công nghệ kỹ thuật sinh học	01034025	Nguyễn Thị Kim Anh	4203002184 02	DHSH13B			60	5	4-5	Bắt đầu 20/04/2020
15	Công nghệ chế biến nông sản	01140010	Nguyễn Thị Mai Hương	422000277001	ĐHTP13ATT			28	3	6-8	Bắt đầu 20/04/2020
16	Công nghệ chế biến nông sản	01140010	Nguyễn Thị Mai Hương	420300290501-420300290501	DHTP11-GL-ĐHTP13A			62	3	9-11	Bắt đầu 20/04/2020
17	Công nghệ sản xuất bánh kẹo	01140010	Nguyễn Thị Mai Hương	420300214101	DHTP13D			58	6	9-11	Bắt đầu 20/04/2020
18	Công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	01140008	Lê Văn Nhật Hoài	422000221402	DHTP13ATT			30	4	9-11	Bắt đầu 20/04/2020
19	Công nghệ chế biến súc sản và thủy sản	01140027	Nguyễn Thị Ái Vân	420300223503	DHTP13D			80	4	6 -> 8	Bắt đầu 20/04/2020
20	Công nghệ chế biến súc sản và thủy sản	01140027	Nguyễn Thị Ái Vân	420300223504	DHTP13C			80	3	6 -> 8	Bắt đầu 20/04/2020
21	Công nghệ chế biến súc sản và thủy sản	01140011	Nguyễn Thị Thanh Bình	422000286301	DHTP13ATT			30	6	1->3	Bắt đầu 20/04/2020
22	Công nghệ chế biến đồ uống	01140031	Trần Thị Mai Anh	422000286101	DHTP13ATT			42	3	1->3	Bắt đầu 20/04/2020
23	Công nghệ chế biến đồ uống	01140031	Trần Thị Mai Anh	420300218904	DHTP13A			62	5	9->11	Bắt đầu 20/04/2020
24	Kỹ thuật phân ứng sinh học	01140026	Trần Thị Huyền	420300306201	DHSH13A			80	3	6 8	Bắt đầu 20/04/2020
25	Kỹ thuật phân ứng sinh học	01140026	Trần Thị Huyền	420300306202	DHSH13B			80	6	6 8	Bắt đầu 20/04/2020

19. Khoa: Viện KHCN&QL Môi trường

STT	Môn học	Mã giảng viên	Giảng viên	Lớp học phần	Lớp danh nghĩa	STC	LT/TH	Thứ	Tiết	Đăng ký	Ghi chú
1	Tin học trong công nghệ môi trường	01035016	Đỗ Đoàn Dung	420300066601	DHMT14A	2	LT	3	4-5	26	Bắt đầu 20/04/2020
2	Thông kê và xử lý số liệu môi trường	01040007	Trần Thị Thu Thủy	420300326401	DHQLMT13A	2	LT	3	6-7	32	Bắt đầu 20/04/2020
3	Môi trường và con người	01920021	Nguyễn Xuân Tổng	420300320609	DHD15C	3	LT	4	1-3	45	Bắt đầu 20/04/2020
4	Kỹ thuật xử lý nước thải	0199900109	Cao Thị Thủy Nga	420300310801	DHMT13A	6	LT+TH	4	6-8	38	Bắt đầu 20/04/2020
5	Cơ sở khoa học môi trường	01040007	Trần Thị Thu Thủy	420300150302	DHQLDD15A	3	LT	5	1-3	80	Bắt đầu 20/04/2020
6	ISO14.000 &HSE	01031003	Hoàng Phương Trâm	420300159901	DHQLMT13A	3	LT	5	6-8	31	Bắt đầu 20/04/2020
7	Tin học trong công nghệ môi trường	01035016	Đỗ Đoàn Dung	420300066601	DHMT14A	3	TH	6	1-5	26	Bắt đầu 20/04/2020

20. Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ Sinh viên

STT	Môn học	Mã giảng viên	Giảng viên	Lớp học phần	Lớp danh nghĩa	STC	LT/TH	Thứ	Tiết	Đăng ký	Ghi chú
1	Kỹ năng Làm việc nhóm	0860003709	Đỗ Thị Hồng Hạnh	420300319262	DHTH15G	1	1/0	2	1-3	60	Bắt đầu 20/04/2020
2	Kỹ năng Làm việc nhóm	01002006	Lê Thanh Hòa	420300319263	DHTH15H	1	1/0	2	9-11	60	Bắt đầu 20/04/2020
3	Kỹ năng Làm việc nhóm	01260019	Đào Thị Nguyệt Ánh	420300319266	DHAV15A	1	1/0	3	1-3	60	Bắt đầu 20/04/2020
4	Kỹ năng Làm việc nhóm	01140013	Nguyễn Khánh Hoàng	422000357501	DHDTV15ATT	1	1/0	3	9-11	44	Bắt đầu 20/04/2020
5	Kỹ năng Làm việc nhóm	01030017	Nguyễn Thị Châu	422000357513	DHKTPM15BTT	1	1/0	4	6-8	41	Bắt đầu 20/04/2020
6	Kỹ năng Làm việc nhóm	01004005	Nguyễn Hữu Quang	420300319257	DHTH15B	1	1/0	5	6-8	60	Bắt đầu 20/04/2020

21. Quảng Ngãi

STT	Môn học	Mã giảng viên	Giảng viên	Lớp học phần	Lớp danh nghĩa	STC	LT/TH	Thứ	Tiết	Đăng ký	Ghi chú
1	Hệ thống điện	061000027	Vy Thị Thanh Hương	420300103801	DHD13QN	3	LT/TH	2	2-4	21	Bắt đầu 20/04/2020
2	Tư Tưởng HCM	061000001	Nguyễn Thành Trí	420300066402	DHQT15AQN	2	LT	2	7-8	33	Bắt đầu 20/04/2020
3	Chi tiết máy	06690025	Trương Văn Huy	420300079201	DHCK14QN	3	LT	3	2-4	12	Bắt đầu 20/04/2020
4	Đạo đức kinh doanh	06067003	Nguyễn Việt Thanh	420300361601	DHQT14QN	3	LT	3	7-9	24	Bắt đầu 20/04/2020
5	Trí tuệ nhân tạo	06690050	Bùi Văn Đồng	420300126601	DHTH12QN	3	LT	4	2-4	6	Bắt đầu 20/04/2020
6	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	061000025	Huỳnh Thị Lệ Minh	420300215101	ĐHKT14QN	3	LT	4	7-9	7	Bắt đầu 20/04/2020
7	Kỹ thuật lập trình	06690035	Lê Trọng Hiền	420300094101	DHTH15QN	2	LT	5	2-4	19	Bắt đầu 20/04/2020
8	Hệ thống và công nghệ web	06650003	Huỳnh Tấn Hát	420300214501	DHTH14QN	2	LT	6	2-4	14	Bắt đầu 20/04/2020
9	Quản trị điều hành	06690042	Nguyễn Trọng Minh Thái	420300126701	ĐHQT13QN	3	LT	6	7-9	18	Bắt đầu 20/04/2020